

**PL: DANH SÁCH TẶNG THƯỞNG THẺ TDQT HẠNG PLATINUM
THÁNG 7/2021**

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	MAI XUAN HIEU	4271XX3106	2,000,000
2	NGUYEN TRUNG HIEU	4271XX1104	2,000,000
3	TRAN THI TRA GIANG	4271XX2101	2,000,000
4	LE THI NGOC DIEP	4271XX5109	2,000,000
5	TRAN THI THANH HUYEN	4271XX9100	2,000,000
6	LE THI LAN PHUONG	4271XX1106	2,000,000
7	NGUYEN THI THANH QUY	4271XX9100	2,000,000
8	NGUYEN THI THU HA	4271XX5101	2,000,000
9	NGUYEN DANG VIET	4271XX9101	2,000,000
10	TRAN THI HIEN	4271XX5101	2,000,000
11	PHAM THI TUONG NGA	4271XX9103	2,000,000
12	VU MANH CUONG	4271XX3109	2,000,000
13	NGO THI MAI HOA	4271XX2101	2,000,000
14	NGUYEN MINH THU	4271XX8100	2,000,000
15	TRAN THU CUC	4271XX6102	2,000,000
16	NGUYEN THI THUY LINH	4271XX2105	2,000,000
17	NGUYEN PHUONG THAO	4271XX6102	2,000,000
18	NGUYEN TIEN QUANG	4271XX0107	2,000,000
19	HOANG THI LAN HUONG	4271XX7103	2,000,000
20	NGUYEN T PHUONG DUNG	4271XX6105	2,000,000
21	NGUYEN T THANH HUYEN	4271XX9106	2,000,000
22	TRINH THI HONG GIANG	4271XX7104	2,000,000
23	NGUYEN VU TAI	4271XX5109	2,000,000
24	TRAN DAO PHUONG LINH	4271XX3106	2,000,000
25	LANH THI LE NA	4271XX2100	2,000,000
26	NGUYEN THI VINH	4271XX4104	2,000,000
27	NGUYEN THI HANG	4271XX3108	2,000,000
28	LE HONG HOA	4271XX5100	2,000,000
29	LE THI PHUONG	4271XX6101	2,000,000
30	DAO THU HA	4271XX9103	2,000,000
31	PHAM THI THU THUY	4271XX2102	2,000,000
32	NGUYEN ANH THO	4271XX9103	2,000,000
33	PHAM THI THUY	4271XX4102	2,000,000
34	NGUYEN THANH PHU	4271XX9102	2,000,000
35	DAO THI MAI DUNG	4271XX1108	2,000,000
36	NGUYEN MINH HAI	4271XX9103	2,000,000
37	TRAN THUY QUYNH	4271XX1107	2,000,000
38	NGUYEN THU TRANG	4271XX1102	2,000,000
39	LUONG THI NHAN	4271XX3103	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
40	TRAN THI THU HUYEN	4271XX3108	2,000,000
41	DAO DANH DUE	4271XX5100	2,000,000
42	TRAN THI MINH THU	4271XX3105	2,000,000
43	NGUYEN VAN GIANG	4271XX8107	2,000,000
44	TRAN THI HOANG NHA	4271XX9104	2,000,000
45	NGUYEN DINH TUONG	4271XX6107	2,000,000
46	DINH QUOC DUONG	4271XX1109	2,000,000
47	PHAM THI HOA	4271XX1104	2,000,000
48	NGUYEN THI NGOC HA	4271XX5104	2,000,000
49	TRINH THI DIEP	4271XX3106	2,000,000
50	DUONG THI HA	4271XX8102	2,000,000
51	NGUYEN QUANG MINH	4271XX7100	2,000,000
52	NGUYEN VAN KHANH	4271XX1109	2,000,000
53	HA THI NHU QUYNH	4271XX2106	2,000,000
54	LE THI THUY	4271XX7108	2,000,000
55	DAO LAN PHUONG	4271XX0103	2,000,000
56	NGO VAN THANG	4271XX7107	2,000,000
57	NGUYEN VAN TOAN	5305XX9100	2,000,000
58	NGUYEN THI HIEN	4271XX4108	2,000,000
59	NGUYEN THI NGOC TRANG	4271XX9107	2,000,000
60	NGUYEN BAO TRAN	4271XX3108	2,000,000
61	TRUONG NGUYEN MINH	4271XX4100	2,000,000
62	LE NGOC HOA	4271XX9102	2,000,000
63	LE THI HA LINH	4271XX0107	2,000,000
64	LE TIEN DUNG	4271XX3105	2,000,000
65	NGUYEN TRONG TIN	4271XX6102	2,000,000
66	NGUYEN THU NINH	4271XX8109	2,000,000
67	DOAN THI DIEN	4271XX1106	2,000,000
68	DANG ANH QUAN	4271XX4106	2,000,000
69	PHAM THI HONG TRANG	4271XX5103	2,000,000
70	PHAN THI CHAN LY	4271XX0102	2,000,000
71	NGUYEN THANH THU	4271XX3109	2,000,000
72	DUONG THI THANH TAM	4271XX3100	2,000,000
73	LE HOANG NHU LY	4271XX7105	2,000,000
74	TRAN THU HA	4271XX5109	2,000,000
75	DOAN KIM TAO	4271XX6109	2,000,000
76	PHAM THI TRA GIANG	4271XX6102	2,000,000
77	PHUNG THI HA	4271XX8100	2,000,000
78	NGUYEN THI THANH THUY	4271XX2100	2,000,000
79	DANG TUAN ANH	4271XX5108	2,000,000
80	VU THUY LINH	4271XX1109	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
81	NGUYEN BICH NGOC	4271XX9106	2,000,000
82	VU MINH TUAN	4271XX3100	2,000,000
83	NGUYEN HUY HOANG	4271XX4107	2,000,000
84	PHAM THUY TRANG	4271XX3100	2,000,000
85	DINH THI THANH	4271XX5106	2,000,000
86	PHAN TRONG TINH	4271XX2108	2,000,000
87	NGUYEN THI THUY	4271XX8101	2,000,000
88	PHAN THI HIEN	4271XX7104	2,000,000
89	NGUYEN THUY LINH	4271XX6100	2,000,000
90	NGUYEN THU HIEN	4271XX4109	2,000,000
91	NGUYEN THI DE	4271XX7104	2,000,000
92	LE NGOC QUY	4271XX3100	2,000,000
93	LUONG THI MAI HUONG	4271XX2103	2,000,000
94	VU THI LAN PHUONG	4271XX4109	2,000,000
95	TRAN KHAI NAM TRUNG	4271XX6108	2,000,000
96	HA TIEN THINH	4271XX0107	2,000,000
97	BUI QUANG CUONG	4271XX0109	2,000,000
98	NGUYEN THI DUONG	4271XX2105	2,000,000
99	HOANG VAN THAI	4271XX7106	2,000,000
100	VO DUC VUONG	4271XX4107	2,000,000
101	NGUYEN THI SAM	4271XX5101	2,000,000
102	NGUYEN THANH HOP	4271XX7100	2,000,000
103	PHAM LE PHUONG LINH	4271XX6100	2,000,000
104	TRAN THI HUONG HUYEN	4271XX3101	2,000,000
105	PHAM QUANG HUY	4271XX2104	2,000,000
106	NGUYEN MINH THUY	4271XX0106	2,000,000
107	PHUNG THI TUONG	4271XX7102	2,000,000
108	PHAM THI LAN	4271XX0108	2,000,000
109	LE THI NGOC BE	4271XX2106	2,000,000
110	NGUYEN HUY HOANG	4271XX5104	2,000,000
111	NGUYEN VAN TINH	4271XX5105	2,000,000
112	DUONG HOANG KHANH	4271XX4105	2,000,000
113	NGUYEN THI KIM LIEN	4271XX9100	2,000,000
114	NGUYEN HUYNH CHI TIN	4271XX1100	2,000,000
115	NGUYEN THI DAO	4271XX7102	2,000,000
116	PHAM TUAN ANH	4271XX6103	2,000,000
117	NGUYEN PHUC TRONG	4271XX1104	2,000,000
118	NGUYEN VIET HOANG	4271XX9103	2,000,000
119	DANG THANH TU	4271XX2107	2,000,000
120	NGUYEN VAN NGHE	4271XX5109	2,000,000
121	TA THI DIU	4271XX7106	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
122	NGUYEN QUOC CUONG	4271XX6102	2,000,000
123	VO THI HAI YEN	4271XX5106	2,000,000
124	VU DINH QUAN	4271XX6105	2,000,000
125	DINH CONG VAN	4271XX3109	2,000,000
126	HOANG THI LE NGAN	4271XX9109	2,000,000
127	TRUONG MINH DUY	4271XX2107	2,000,000
128	LE THI HUONG	4271XX0107	2,000,000
129	DANG TON QUY	4271XX4100	2,000,000
130	PHAM THANH NHAT	4271XX6109	2,000,000
131	DO NGOC BICH	4271XX4100	2,000,000
132	TRAN VAN DIEN	4271XX6108	2,000,000
133	LUU THI NGA	4271XX3104	2,000,000
134	DANG XUAN SON	4271XX6105	2,000,000
135	TRINH THI HUONG	4271XX2105	2,000,000
136	NGUYEN HUU DUC	4271XX8106	2,000,000
137	LUU HUYEN TRANG	4271XX9107	2,000,000
138	LE THI MINH HUYEN	4271XX6107	2,000,000
139	NGUYEN THI BAO DUNG	4271XX8108	2,000,000
140	PHAM QUOC KHANH	4271XX5106	2,000,000
141	NGUYEN THI THANH THUY	4271XX6100	2,000,000
142	NGUYEN THI THANH THUY	4271XX2103	2,000,000
143	NGUYEN TOAN THINH	4271XX3108	2,000,000
144	LE THI HUONG GIANG	4271XX3108	2,000,000
145	THAN THANH HUONG	4271XX8106	2,000,000
146	NGUYEN THI YEN	4271XX0104	2,000,000
147	VU THI MINH PHUONG	4271XX8106	2,000,000
148	PHAM THI GIANG	4271XX6106	2,000,000
149	NGUYEN THANG	4271XX9105	2,000,000
150	HOANG THI GAM	4271XX4102	2,000,000
151	LE THI MY TAM	4271XX5100	2,000,000
152	PHAM THI THANH NGA	4271XX2102	2,000,000
153	TRAN ANH TU	4271XX6101	2,000,000
154	TRAN NGOC DIEP	4271XX3103	2,000,000
155	NGUYEN HUU PHUC	4271XX2106	2,000,000
156	PHAM VIET HOANG	4271XX8112	2,000,000
157	BUI THI MAY	4271XX9102	2,000,000
158	BUI THI AN LY	4271XX5102	2,000,000
159	DOAN THI THUY LINH	4271XX2106	2,000,000
160	DO THI THU THUY	4271XX5107	2,000,000
161	PHI VAN CUONG	4271XX5101	2,000,000
162	TRAN NGHIA	4271XX1101	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
163	NGUYEN THI HUONG TRUC	4271XX2101	2,000,000
164	NGUYEN VAN CHUYEN	4271XX6108	2,000,000
165	LE TRUONG SON NGHIA	4271XX1107	2,000,000
166	HO HUYEN CHON	4271XX2102	2,000,000
167	LE THANH NGA	4271XX6101	2,000,000
168	HOANG PHUNG QUAN	4271XX2103	2,000,000
169	PHAM HUYEN TRANG	4271XX1103	2,000,000
170	VO THI HOA MI	4271XX0101	2,000,000
171	HOANG VU PHUC	4271XX5100	2,000,000
172	DO VAN PHONG	4271XX5107	2,000,000
173	NGUYEN VIET ANH	4271XX4102	2,000,000
174	LE TRONG HIEU	4271XX1101	2,000,000
175	NGUYEN TRUNG HIEU	4271XX3103	2,000,000
176	GIAN HOANG ANH	4271XX0103	2,000,000
177	NGUYEN THUY DUNG	4271XX1101	2,000,000
178	HOANG THI LOAN	4271XX6109	2,000,000
179	BUI THI OANH	4271XX4101	2,000,000
180	NGUYEN TUYET NHUNG	4271XX6108	2,000,000
181	PHAN VAN NGHIEM	4271XX6105	2,000,000
182	TRAN THANH TAM	4271XX1100	2,000,000
183	LE HONG THUAN	4271XX2109	2,000,000
184	NGO MINH TRUNG	4271XX9105	2,000,000
185	LA HONG HAI	4271XX6109	2,000,000
186	NGUYEN THI HUYEN	4271XX3102	2,000,000
187	LE VAN THIEN MINH	4271XX2102	2,000,000
188	NGUYEN NGOC KHANH	4271XX5107	2,000,000
189	HA THI LAN PHUONG	4271XX2106	2,000,000
190	NGUYEN HAI NINH	4271XX8102	2,000,000
191	DOAN THANH THAO	4271XX0102	2,000,000
192	NGUYEN MINH HOP	4271XX6107	2,000,000
193	NGUYEN VAN TRUONG	4271XX4104	2,000,000
194	PHAM VAN TRONG	4271XX5108	2,000,000
195	HA XUAN PHONG	4271XX3109	2,000,000
196	VU THI THUY HOA	4271XX8109	2,000,000
197	NGUYEN THI THU HIEN	4271XX3107	2,000,000
198	NGUYEN HONG HANH	4271XX5103	2,000,000
199	BUI XUAN QUYNH TRANG	4271XX6102	2,000,000
200	LE THI THANH LONG	4271XX1107	2,000,000
201	LA THANH VAN	4271XX0104	2,000,000
202	TRAN THU GIANG	4271XX5109	2,000,000
203	BUI THANH SON	4271XX6102	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
204	DO THI LUYEN	4271XX2107	2,000,000
205	LE VAN TRUNG	4271XX0107	2,000,000
206	DINH THI LAN ANH	4271XX2107	2,000,000
207	TRAN NGOC KINH	4271XX4104	2,000,000
208	NGUYEN DUC MINH	4271XX0107	2,000,000
209	MAI HONG ANH	4271XX9108	2,000,000
210	NGUYEN THI MINH GIANG	4271XX8103	2,000,000
211	NGUYEN MANH HA	5305XX1106	2,000,000
212	DANG THI THUY LAN	4271XX0105	2,000,000
213	NGUYEN VIET HUNG	4271XX7108	2,000,000
214	VU THI NGUYET NGUYEN	4271XX1105	2,000,000
215	DAM TU ANH	4271XX5100	2,000,000
216	LUONG THI THU HUONG	4271XX1102	2,000,000
217	NGUYEN THI THUY TRANG	4271XX4109	2,000,000
218	PHAM HUYEN NHUNG	4271XX5109	2,000,000
219	NGUYEN TRA MY	4271XX4103	2,000,000
220	TRAN THANH HAI	4271XX1100	2,000,000
221	DOAN THE VAN	4271XX3107	2,000,000
222	TRAN TU LINH	4271XX0107	2,000,000
223	TRIEU DINH THU	4271XX7102	2,000,000
224	DUONG THI HUONG	4271XX0108	2,000,000
225	LE CUONG CUONG	4271XX0100	2,000,000
226	PHUNG ANH TUAN	4271XX1106	2,000,000
227	DINH VAN QUANG	4271XX6109	2,000,000
228	NGUYEN THI KIM THANH	4271XX2106	2,000,000
229	NGUYEN THANH CONG	4271XX4101	2,000,000
230	NGUYEN VAN THANG	4271XX6106	2,000,000
231	NGUYEN THUY LIEN	4271XX4107	2,000,000
232	NGUYEN VAN TRANG	4271XX1107	2,000,000
233	TRUONG THI NGOC	4271XX8103	2,000,000
234	BUI ANH TU	4271XX3106	2,000,000
235	DIEP QUOC TIEN	4271XX6105	2,000,000
236	PHAM THI NGOC ANH	4271XX1101	2,000,000
237	NGUYEN K DIEU HONG	4271XX3106	2,000,000
238	TRUONG BA DUY	4271XX4101	2,000,000
239	NGUYEN THI NGOC CHAM	4271XX1107	2,000,000
240	NGO TRUNG KIEN	4271XX6106	2,000,000
241	NGUYEN QUANG TUYEN	4271XX5107	2,000,000
242	DAO LE HONG MY	4271XX2103	2,000,000
243	TRAN THIET HUNG	4271XX6106	2,000,000
244	HOANG BICH NGOC	4271XX8107	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
245	TRAN THI THANH LICH	4271XX4107	2,000,000
246	DAM XUAN QUY	4271XX6105	2,000,000
247	TRINH THI NHU TRANG	4271XX3102	2,000,000
248	DO THI THANH THUY	4271XX3107	2,000,000
249	NGUYEN VAN TAI	4271XX6103	2,000,000
250	NGUYEN DUC THANG	4271XX8107	2,000,000
251	LE QUYNH NGA	4271XX2105	2,000,000
252	BUI NHAT YEN	4271XX8102	2,000,000
253	TRAN THI TAM	4271XX4104	2,000,000
254	NGUYEN THI HONG LE	4271XX4103	2,000,000
255	TRAN THIEN TRANG	4271XX0101	2,000,000
256	TA MINH THINH	4271XX0107	2,000,000
257	PHAN VU ANH	4271XX6104	2,000,000
258	LE TRAN THANH THUONG	4271XX5102	2,000,000
259	NGUYEN DUC THANH	4271XX6109	2,000,000
260	LE DUC SON	4271XX8106	2,000,000
261	HO THI CHAU	4271XX7101	2,000,000
262	NGUYEN THANH HUYEN	4271XX7103	2,000,000
263	NGUYEN HONG ANH	4271XX9106	2,000,000
264	TRAN THI THUY NGA	4271XX7109	2,000,000
265	LE DINH BAO	4271XX1109	2,000,000
266	NGUYEN THI HUONG	4271XX4106	2,000,000
267	NGUYEN LAN ANH	4271XX0102	2,000,000
268	NGUYEN THI KIM SOA	4271XX0105	2,000,000
269	TRAN DUY LINH	4271XX1103	2,000,000
270	NGUYEN HUU TUNG	4271XX6109	2,000,000
271	NGO THI TAN	4271XX9106	2,000,000
272	NGUYEN BICH HONG	4271XX3103	2,000,000
273	NGUYEN DUC THIEN	4271XX3105	2,000,000
274	DAO MINH TRANG	4271XX8106	2,000,000
275	AN THANH CONG	4271XX6108	2,000,000
276	BUI THAO MY	4271XX1101	2,000,000
277	NGUYEN THUY TRANG	4271XX9102	2,000,000
278	TRAN VAN THOI	4271XX1108	2,000,000
279	NGUYEN THI HAI GIANG	4271XX5100	2,000,000
280	NGUYEN THI PHUONG	4271XX2109	2,000,000
281	NGUYEN HOAI NHAN	4271XX0104	2,000,000
282	NGHIEM THI HONG HUE	4271XX7106	2,000,000
283	VO THI NHU NGUYET	4271XX9102	2,000,000
284	VU TIEN THANH	4271XX7100	2,000,000
285	HOANG THI THANH NHAN	4271XX2106	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
286	NGUYEN THAI SON	4271XX4107	2,000,000
287	DANG THI MY LY	4271XX8105	2,000,000
288	VU THANH NAM	4271XX3109	2,000,000
289	VU CONG MINH	4271XX8103	2,000,000
290	DANG THI LAM	4271XX4102	2,000,000
291	NGUYEN THI HA PHUONG	4271XX3104	2,000,000
292	PHAN TIEN DUC	4271XX4103	2,000,000
293	LE THI HANH NGAN	4271XX3103	2,000,000
294	HA THI THU HIEN	4271XX9100	2,000,000
295	DO QUOC DUNG	4271XX9100	2,000,000
296	NGUYEN PHUONG DUNG	4271XX4103	2,000,000
297	NGUYEN THI MAY	4271XX8104	2,000,000
298	NGUYEN LAN PHUONG	4271XX1105	2,000,000
299	NGUYEN THI THU HIEN	4271XX5104	2,000,000
300	LUC THANH MY TRINH	4271XX7101	2,000,000
301	DANG THI HIEP	4271XX7109	2,000,000
302	NGUYEN THI LINH QUYEN	4271XX7101	2,000,000
303	PHAM THI YEN	4271XX3109	2,000,000
304	LE THI LAN ANH	4271XX9109	2,000,000
305	TRAN DUC THUAN	4271XX3101	2,000,000
306	MONG QUOC LONG	4271XX0106	2,000,000
307	NGUYEN TUAN DUNG	4271XX0103	2,000,000
308	NGUYEN MINH HIEU	4271XX3104	2,000,000
309	LE THE ANH	4271XX0104	2,000,000
310	NGUYEN TRAN CHI CONG	4271XX4109	2,000,000
311	CAO THUY TRANG	4271XX3108	2,000,000
312	PHAN THI DIEU LINH	4271XX1102	2,000,000
313	NGUYEN THI THU NHAN	4271XX6105	2,000,000
314	VO DUY TAN	4271XX8100	2,000,000
315	PHUNG HUU MANH	4271XX0102	2,000,000
316	TRAN LE THUY NGAN	4271XX4103	2,000,000
317	NGUYEN THU TRANG	4271XX0104	2,000,000
318	DUONG HA LINH	4271XX0102	2,000,000
319	VO KIEN GIANG	4271XX9109	2,000,000
320	NGUYEN VAN THAI	4271XX0108	2,000,000
321	NGUYEN THI THU HA	4271XX8101	2,000,000
322	NGUYEN DUC HANH	4271XX4102	2,000,000
323	NGO THI PHUONG HONG	4271XX1109	2,000,000
324	CHAU TAN SI	4271XX0106	2,000,000
325	NGUYEN THI AN	4271XX5101	2,000,000
326	NGO THI HUONG GIANG	4271XX7103	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
327	PHAM BICH HIEN	4271XX5106	2,000,000
328	CAO TRONG DAI	4271XX1105	2,000,000
329	TRINH THI NGOC ANH	4271XX5107	2,000,000
330	HO YEN LY	4271XX4105	2,000,000
331	NGUYEN THI THU PHUONG	4271XX8106	2,000,000
332	TRAN VAN DINH	4271XX9108	2,000,000
333	LE HAI YEN	4271XX2101	2,000,000
334	TRAN THI THU HIEN	4271XX5100	2,000,000
335	NGUYEN VAN THANG	4271XX0109	2,000,000
336	LE TRAN KHANH LY	4271XX1106	2,000,000
337	NGUYEN THI HONG HANH	4271XX0109	2,000,000
338	HOANG THI KIEU TRINH	4271XX9104	2,000,000
339	VU MINH HONG	4271XX7106	2,000,000
340	VU THU TRANG	4271XX9102	2,000,000
341	TIEU THI THU HUONG	4271XX3103	2,000,000
342	NGUYEN THI THANH HOA	4271XX7100	2,000,000
343	VUONG KIM CHI	4271XX5109	2,000,000
344	TRAN TU ANH	4271XX0100	2,000,000
345	NGUYEN THU UYEN	4271XX3100	2,000,000
346	CAO HONG PHONG	4271XX2106	2,000,000
347	HO THI NHU LOAN	4271XX4106	2,000,000
348	NGO THI THU HUYEN	4271XX2104	2,000,000
349	BUI THI THUY KHANH	4271XX6102	2,000,000
350	LE THI HOA	4271XX1104	2,000,000
351	LE THI THOM	4271XX5103	2,000,000
352	LE DINH HIEU	4271XX2108	2,000,000
353	TRAN THI HANH	4271XX9105	2,000,000
354	HOANG QUOC ANH	4271XX1101	2,000,000
355	TRAN THI THU	4271XX0105	2,000,000
356	NGUYEN HONG HANH	4271XX3105	2,000,000
357	NGUYEN THI TRUC LINH	4271XX6108	2,000,000
358	LE THANH KHANH	4271XX2107	2,000,000
359	DANG QUANG VINH	4271XX7105	2,000,000
360	DANG NGUYET ANH	4271XX0101	2,000,000
361	NGUYEN TRONG KHOI	4271XX8109	2,000,000
362	TRAN QUOC HUNG	4271XX3106	2,000,000
363	NGUYEN TRONG TU	4271XX0102	2,000,000
364	THAI THI VU ANH	4271XX5106	2,000,000
365	NINH XUAN THANH	4271XX4101	2,000,000
366	TRINH HAI NAM	4271XX5106	2,000,000
367	DANG DUY TUNG	4271XX8107	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
368	VO THI HAI YEN	4271XX5103	2,000,000
369	MAI NHU ANH	4271XX8103	2,000,000
370	DANG THI BICH HANG	4271XX6105	2,000,000
371	PHAM THI HAI HANG	4271XX2109	2,000,000
372	NGO THI XUYEN	4271XX1109	2,000,000
373	TRAN THI KIM NGAN	4271XX9100	2,000,000
374	NGUYEN THI CAM NHUNG	4271XX9105	2,000,000
375	NGUYEN THI QUYNH NGA	4271XX1109	2,000,000
376	TRAN HUU SY	4271XX4102	2,000,000
377	BUI THI THANH LONG	5305XX1107	2,000,000
378	HOANG KIM DUY	4271XX2102	2,000,000
379	NGUYEN PHUONG MAI	4271XX1103	2,000,000
380	LUU THE BAO ANH	4271XX7109	2,000,000
381	DANG THI NGOC ANH	4271XX5103	2,000,000
382	BAN VAN MINH	4271XX0108	2,000,000
383	HO THAI SON	4271XX6101	2,000,000
384	LE VAN THANH	4271XX2102	2,000,000
385	LE THI QUY	4271XX9105	2,000,000
386	TRAN THI KIM THANH	4271XX0103	2,000,000
387	TRAN NHU LONG	4271XX3101	2,000,000
388	MAI THI LAN ANH	4271XX0100	2,000,000
389	NGUYEN H THI DIEM MY	4271XX4107	2,000,000
390	NGUYEN TIEN THOAI	4271XX4103	2,000,000
391	MONG QUOC KHANH	4271XX3102	2,000,000
392	NGUYEN PHI HAI	4271XX3107	2,000,000
393	VU HAI HA	4271XX8104	2,000,000
394	TRAN QUANG HIEU	4271XX4101	2,000,000
395	NGUYEN DUC TUAN	4271XX8108	2,000,000
396	NGUYEN DO LUAN	4271XX2108	2,000,000
397	NGUYEN HAI LINH	4271XX0101	2,000,000
398	NGUYEN THI NGA	4271XX9105	2,000,000
399	TRAN THI VAN ANH	4271XX8108	2,000,000
400	NGUYEN THI VIET ANH	4271XX2105	2,000,000
401	PHAM THI HUONG	4271XX7102	2,000,000
402	TRAN N NGUYEN HONG	4271XX5102	2,000,000
403	NGUYEN T THUY CHUNG	4271XX2109	2,000,000
404	DOAN VAN KHANH	4271XX8104	2,000,000
405	LE NGOC ANH	4271XX2106	2,000,000
406	NGUYEN THI HOA	4271XX2108	2,000,000
407	NGUYEN THANH PHONG	4271XX2103	2,000,000
408	NGUYEN QUOC TINH	4271XX1102	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
409	LE THI LINH	4271XX9108	2,000,000
410	DO NGOC SON	4271XX8102	2,000,000
411	NGUYEN DAU BAO NGOC	4271XX0107	2,000,000
412	NGUYEN HONG NGOC	4271XX7108	2,000,000
413	TRAN THI HUYEN	4271XX4106	2,000,000
414	VU THI LOAN	4271XX8100	2,000,000
415	NGUYEN THI DIEU LINH	4271XX5108	2,000,000
416	TRAN THU TRANG	4271XX1104	2,000,000
417	BUI THUY DUONG	4271XX4101	2,000,000
418	NGUYEN THI THUY NGA	4271XX4100	2,000,000
419	HOANG THI MAI HANG	4271XX6100	2,000,000
420	TRAN THI NGOC THANH	4271XX8108	2,000,000
421	NGUYEN THI LINH	4271XX9107	2,000,000
422	NGUYEN THI MAI PHUONG	4271XX8106	2,000,000
423	NGUYEN MINH TAN	4271XX5106	2,000,000
424	TRAN HOANG NAM	4271XX4105	2,000,000
425	LUONG TUAN PHUONG	4271XX5104	2,000,000
426	BUI CHINH BAC	4271XX0108	2,000,000
427	NGUYEN THI LAN	4271XX5107	2,000,000
428	TRAN THI HONG NHUNG	4271XX5101	2,000,000
429	LE ANH TUAN	4271XX1103	2,000,000
430	NGUYEN TH BICH PHUONG	4271XX8109	2,000,000
431	NGUYEN THI HANG	4271XX8101	2,000,000
432	TRAN THANH THAO	4271XX6101	2,000,000
433	TRAN TUAN CUONG	4271XX3106	2,000,000
434	HA TRUONG SANG	4271XX4103	2,000,000
435	LE THI HA	4271XX4109	2,000,000
436	LE TUAN ANH	4271XX0102	2,000,000
437	DUONG THI THUY LE	4271XX6101	2,000,000
438	VO QUANG TRUNG	4271XX1108	2,000,000
439	NGUYEN HONG LINH	4271XX7107	2,000,000
440	NGUYEN QUANG TUAN	4271XX6105	2,000,000
441	NGO THU HA	4271XX7104	2,000,000
442	CHU TUAN LINH	4271XX8101	2,000,000
443	BUI QUANG VUONG	4271XX8109	2,000,000
444	TRUONG MY HANH	4271XX8100	2,000,000
445	DO THI MY HANH	4271XX9108	2,000,000
446	NGUYEN TUAN ANH	4271XX9105	2,000,000
447	TRAN THI THU HANG	4271XX3103	2,000,000
448	NGUYEN THI BICH	4271XX6106	2,000,000
449	VU THI YEN	4271XX5107	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
450	NGUYEN THI PHUONG MAI	4271XX2102	2,000,000
451	HOANG THI NHU MINH	4271XX6106	2,000,000
452	CU THI YEN	4271XX5100	2,000,000
453	VO THU HANG	4271XX8101	2,000,000
454	NGUYEN THANH MAI	4271XX6106	2,000,000
455	NGUYEN THI HANG	4271XX6104	2,000,000
456	VU THI QUYNH MAI	4271XX5100	2,000,000
457	LE VAN THANH	4271XX7100	2,000,000
458	TRAN THI HIEN	4271XX9108	2,000,000
459	TRAN THU HANG	4271XX5108	2,000,000
460	NGUYEN THI THUY TRANG	4271XX7107	2,000,000
461	TRAN TUAN THANH	4271XX2107	2,000,000
462	PHAM THI QUYNH CHI	5305XX2105	2,000,000
463	HOANG THI THU HANG	4271XX0104	2,000,000
464	BUI THE TUAN	4271XX4102	2,000,000
465	NGUYEN THI THANH NHAN	4271XX2108	2,000,000
466	THAM HOANG TUAN	4271XX2109	2,000,000
467	NGUYEN TAI VIET	4271XX7105	2,000,000
468	NGUYEN QUOC TRUNG	4271XX3104	2,000,000
469	LUONG THI HA TRANG	4271XX3109	2,000,000
470	DANG THI QUYNH	4271XX1102	2,000,000
471	TRAN XUAN BACH	4271XX9104	2,000,000
472	TRAN THI LIEN	4271XX0107	2,000,000
473	NGUYEN VIET TIEN	4271XX3109	2,000,000
474	NGUYEN THUY DUNG	4271XX9106	2,000,000
475	DO TIEN THANH	4271XX2107	2,000,000
476	LUONG THI MINH LOAN	4271XX8105	2,000,000
477	BUI TRAN HAI	4271XX2101	2,000,000
478	DUONG VAN DU	4271XX3102	2,000,000
479	NGUYEN THUC GIAP	4271XX6108	2,000,000
480	NGUYEN MANH HUNG	4271XX1101	2,000,000
481	NGUYEN NGOC AN	4271XX8102	2,000,000
482	LA THI THU HOAI	4271XX4106	2,000,000
483	NGUYEN THI THUY MY	4271XX1106	2,000,000
484	DUONG MANH HIEU	4271XX7100	2,000,000
485	LE DINH THUYEN	4271XX8103	2,000,000
486	TRAN THI THANH TAM	4271XX7104	2,000,000
487	NGO THI MAI	4271XX7102	2,000,000
488	NGUYEN THU THAO	4271XX0102	2,000,000
489	NGUYEN T HUYEN TRANG	4271XX8100	2,000,000
490	HOANG THI HOA	4271XX0102	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
491	LE THI KIM ANH	4271XX5100	2,000,000
492	NGUYEN T PHUONG THAO	4271XX1100	2,000,000
493	PHAN THI CHAU GIANG	4271XX9102	2,000,000
494	TRAN THI NHUNG	4271XX2104	2,000,000
495	VU HOANG PHUC	4271XX9103	2,000,000
496	NGUYEN PHUONG HANG	4271XX0101	2,000,000
497	NGUYEN THI DAO	4271XX2109	2,000,000
498	NGO THI THU TRANG	4271XX2100	2,000,000
499	LE ANH	4271XX7109	2,000,000
500	TRAN THI HA GIANG	4271XX0100	2,000,000
501	TRAN TUYET VY	4271XX4101	2,000,000
502	PHAM THI HUYEN TRANG	4271XX7109	2,000,000
503	LE VAN MANH	4271XX0106	2,000,000
504	HOANG TUNG	4271XX3109	2,000,000
505	NGUYEN DINH TRANG	4271XX4101	2,000,000
506	DO THI THANH GIAU	4271XX9104	2,000,000
507	DUONG THI MINH HUYEN	4271XX8108	2,000,000
508	DUONG HANH LINH	4271XX9105	2,000,000
509	LUU HONG GIANG	4271XX5101	2,000,000
510	DO THANH TUNG	5305XX9106	2,000,000
511	LE THI QUYNH	4271XX6103	2,000,000
512	TRUONG THI HUYEN	4271XX4100	2,000,000
513	NGUYEN DUY LONG	4271XX3103	2,000,000
514	HO QUYNH CHAU	4271XX5104	2,000,000
515	HA THI NINH	4271XX1100	2,000,000
516	NGUYEN SON HAI	4271XX8105	2,000,000
517	NGUYEN THI HANG	4271XX7104	2,000,000
518	PHAN THI HOANG OANH	4271XX9109	2,000,000
519	PHAN DUC THINH	4271XX8104	2,000,000
520	TRAN NAM TRUNG	4271XX9105	2,000,000
521	DINH THI TUOI	4271XX7109	2,000,000
522	NGUYEN DUC THANH	4271XX4104	2,000,000
523	NGUYEN DUY LINH	4271XX2101	2,000,000
524	NGUYEN THI MINH THU	4271XX5104	2,000,000
525	QUACH THI MAI HIEN	4271XX4105	2,000,000
526	NGUYEN THI ANH THO	4271XX2102	2,000,000
527	LUONG QUANG DUC	4271XX9104	2,000,000
528	TRAN HAI YEN	4271XX0104	2,000,000
529	NGUYEN BICH PHUONG	4271XX1109	2,000,000
530	NGUYEN VAN DUNG	4271XX4107	2,000,000
531	CHU TUAN ANH	4271XX6106	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
532	PHAM THI THU ANH	4271XX2109	2,000,000
533	TA DO THAI	4271XX7104	2,000,000
534	TRAN THI QUYEN	4271XX5102	2,000,000
535	NGUYEN PHUONG LIEN	4271XX6105	2,000,000
536	NGUYEN QUANG TUAN	4271XX5100	2,000,000
537	NGUYEN THUY MAI	4271XX6100	2,000,000
538	PHUNG HAI HOA	4271XX4108	2,000,000
539	DO DUC THUAN	4271XX6108	2,000,000
540	DUONG MINH HUONG	4271XX5100	2,000,000
541	PHAM THI HUONG	4271XX7103	2,000,000
542	VU THI NHAT LINH	4271XX7107	2,000,000
543	TRAN MANH THANG	4271XX5108	2,000,000
544	PHUNG MANH HIEP	4271XX2101	2,000,000
545	VU THI VAN ANH	4271XX9103	2,000,000
546	HOANG VU PHUONG TRANG	4271XX5107	2,000,000
547	TRUONG THI VAN	4271XX8106	2,000,000
548	NGUYEN PHUONG NAM	4271XX9103	2,000,000
549	LUONG THI LY	4271XX1107	2,000,000
550	HOANG NGOC ANH	4271XX3101	2,000,000
551	VU THANH CHON	4271XX7101	2,000,000
552	HOANG XUAN THAI	4271XX8104	2,000,000
553	HA BICH HUONG	4271XX8107	2,000,000
554	VU DUY AN	4271XX1107	2,000,000
555	NHAM NGUYEN NGOC ANH	4271XX9100	2,000,000
556	NGUYEN THI MY DUNG	4271XX6101	2,000,000
557	HA THI HUE	4271XX5107	2,000,000
558	TRAN NGOC ANH	4271XX3105	2,000,000
559	LUU CAM DUONG	4271XX0101	2,000,000
560	THAI VAN DUC	4271XX3106	2,000,000
561	DAU THI HONG	4271XX7102	2,000,000
562	VU QUANG HUY	4271XX7104	2,000,000
563	CHAU THI THUY AN	4271XX1100	2,000,000
564	BUI VIET TRINH	4271XX0106	2,000,000
565	NGUYEN THUY TIEN	4271XX8107	2,000,000
566	LE QUYNH TRANG	4271XX1109	2,000,000
567	NGUYEN TRUNG DUNG	4271XX7102	2,000,000
568	PHAN THI MY GIANG	4271XX8108	2,000,000
569	TRAN THANH LUAN	4271XX7103	2,000,000
570	HOANG DUC NHI	4271XX3101	2,000,000
571	LE VIET LINH	4271XX6109	2,000,000
572	HA TRAN PHU	4271XX8109	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
573	NGUYEN THI NGOC	4271XX4102	2,000,000
574	DOAN THI BICH NGOC	4271XX7107	2,000,000
575	TRAN THI THUY	4271XX5101	2,000,000
576	PHAM MINH DUC	4271XX2101	2,000,000
577	PHAM THI HUYEN	4271XX0105	2,000,000
578	DAO VAN THANH	4271XX5103	2,000,000
579	NGUYEN THI YEN	4271XX3102	2,000,000
580	NGUYEN VAN ANH	4271XX4105	2,000,000
581	BUI CAO SON	4271XX5103	2,000,000
582	NGUYEN THI HOANG ANH	4271XX8104	2,000,000
583	NGUYEN HUNG LINH	4271XX7105	2,000,000
584	NGUYEN THU HUYEN	4271XX9102	2,000,000
585	NGUYEN T HONG PHUONG	4271XX9109	2,000,000
586	LE PHUONG KHANH	4271XX9105	2,000,000
587	HA THU TRANG	4271XX1105	2,000,000
588	BUI THI TRANG	4271XX5108	2,000,000
589	NGUYEN BA DUY	4271XX7105	2,000,000
590	PHAM NGOC BAO	4271XX7109	2,000,000
591	DUONG THI QUYEN	4271XX5108	2,000,000
592	NGUYEN THI LOI	4271XX7103	2,000,000
593	KHUAT THI HOA	4271XX8102	2,000,000
594	NGUYEN THI HA	4271XX5105	2,000,000
595	DANG THI QUYNH HOA	4271XX9102	2,000,000
596	PHUNG QUOC CUONG	4271XX1109	2,000,000
597	TRAN THI HUONG	4271XX8102	2,000,000
598	BUI THI ANH	4271XX6107	2,000,000
599	NGUYEN THI BICH LIEN	4271XX4108	2,000,000
600	LE THU THAO	4271XX7100	2,000,000
601	PHUNG THI THUY HANH	4271XX1100	2,000,000
602	DUONG THI YEN	4271XX1106	2,000,000
603	TRINH MINH TRANG	4271XX3102	2,000,000
604	VU NGOC THUAN	4271XX5105	2,000,000
605	NINH GIANG HUONG	4271XX2103	2,000,000
606	NGUYEN THI HUONG	4271XX7104	2,000,000
607	NGUYEN THI THUY	4271XX7108	2,000,000
608	LE SY THINH	4271XX4106	2,000,000
609	NGUYEN ANH PHUONG	4271XX7106	2,000,000
610	PHAM THU TRANG	4271XX8103	2,000,000
611	PHAM THI HUYEN	4271XX4106	2,000,000
612	TRAN THI LE	4271XX9101	2,000,000
613	LE THI YEN	4271XX6106	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
614	NGUYEN VAN TRONG	4271XX9107	2,000,000
615	TRUONG THI HUYEN MY	4271XX8105	2,000,000
616	NGUYEN MINH TRUNG	4271XX3106	2,000,000
617	TRAN THANH THUY	4271XX9101	2,000,000
618	DOAN THI THUY DUNG	4271XX1108	2,000,000
619	NGUYEN THI THU TRANG	4271XX5104	2,000,000
620	LE THI THU TRANG	4271XX3107	2,000,000
621	TRAN THU HUYEN	4271XX1103	2,000,000
622	TRAN ANH QUAN	4271XX6106	2,000,000
623	TRAN NHAT LINH	4271XX1101	2,000,000
624	NGUYEN SONG HOAI LINH	4271XX0101	2,000,000
625	LE THI TRUC BACH	4271XX0102	2,000,000
626	LE HONG NGA	4271XX8108	2,000,000
627	HOANG ANH TUAN	4271XX3105	2,000,000
628	NGHIEM THI BICH THUY	4271XX2108	2,000,000
629	NGUYEN ANH LINH	4271XX3104	2,000,000
630	NGUYEN DUC TRUNG	4271XX6103	2,000,000
631	PHAM TRUNG DUC	4271XX4109	2,000,000
632	NGUYEN THI LAN HUONG	4271XX2105	2,000,000
633	TRAN THI PHUONG ANH	4271XX8108	2,000,000
634	NGUYEN NHAT LINH	4271XX8108	2,000,000
635	VU XUAN CUONG	4271XX8100	2,000,000
636	NGUYEN MINH TRANG	4271XX4100	2,000,000
637	TRAN THI TUYET	4271XX1108	2,000,000
638	DAO BICH DIEP	4271XX3105	2,000,000
639	NGUYEN DINH THANH VI	4271XX4109	2,000,000
640	NGUYEN HOANG YEN	4271XX9107	2,000,000
641	NGUYEN THI NGOC	4271XX3103	2,000,000
642	PHAN ANH HAI	4271XX3101	2,000,000
643	PHAM VAN CUONG	4271XX4105	2,000,000
644	NGUYEN THI THU HUONG	4271XX7109	2,000,000
645	NGUYEN DUC KHOI	4271XX0108	2,000,000
646	HO THI THANH HOA	4271XX6109	2,000,000
647	NGUYEN XUAN PHU	4271XX6103	2,000,000
648	NGHIEM THANH GIANG	4271XX2102	2,000,000
649	NGUYEN ANH VU	4271XX3105	2,000,000
650	NGUYEN THI BICH TRINH	4271XX7100	2,000,000
651	PHAN THI BINH	4271XX1108	2,000,000
652	NGUYEN TUAN ANH	4271XX0108	2,000,000
653	NGUYEN HOANG NAM	4271XX3103	2,000,000
654	VU HUONG GIANG	4271XX1106	2,000,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
655	NGUYEN THI THUY LINH	4271XX4100	2,000,000
656	NGUYEN THI HOA	4271XX3102	2,000,000
657	VU MAI LOAN	4271XX7108	2,000,000
658	HOANG MINH HIEN	4271XX1109	2,000,000
659	LE THI NGOC ANH	4271XX0101	2,000,000
660	NGUYEN VIET BINH	4271XX8104	2,000,000
661	BUI THI LAN	4271XX2107	2,000,000
662	PHAM PHUONG NAM	4271XX9106	2,000,000
663	NGUYEN THI HANG	4271XX9108	2,000,000
664	VU DANG CHU	4271XX2103	2,000,000
665	HOANG KHANH LINH	4271XX1105	2,000,000
666	BUI THI CHUNG	4271XX1100	2,000,000
667	TRAN THUY CHAU	4271XX9109	2,000,000
668	HUYNH THI KIM NGA	4271XX1106	2,000,000
669	TRUONG THI KHEN	4271XX7100	2,000,000
670	CAN VIET DUNG	4271XX1108	2,000,000
671	TRUONG KHAC CONG	4271XX3103	2,000,000
672	VO VI NHAT	4271XX9102	2,000,000
673	LE THU THAO	4271XX7100	2,000,000
674	NGUYEN T CHUNG THUONG	4271XX5103	2,000,000
675	DAO BICH HUE	4271XX3109	2,000,000
676	LAM VAN TU	4271XX1107	2,000,000
677	LE MINH DAT	4271XX0109	2,000,000
678	LE MINH THUY	4271XX2104	2,000,000
679	NGUYEN THI LAN PHUONG	4271XX7102	2,000,000
680	HOANG QUOC TUONG	4271XX7108	2,000,000
681	NGUYEN THI MY LOAN	4271XX8104	2,000,000
682	NGUYEN THANH LUAN	4271XX9101	2,000,000
683	NGUYEN THI NGOC ANH	4271XX0102	2,000,000
	Tổng cộng		1,366,000,000